

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
GIAO THÔNG VẬN TẢI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Văn Hạc	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Công	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bạch Diệp	Thành viên
Ông Phạm Minh Huân	Thành viên
Bà Đào Thị Hạnh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Văn Hạc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tất Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thiện Cảnh	Phó Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Bạch Diệp Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Đỗ Văn Hạng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Số: /2013/ UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 20 tháng 03 năm 2013, trình bày từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc ở trang 2 và 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên, công việc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi vấn đề sau:

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 10/12/2012 của Cục thuế Thành phố Hà Nội, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố tăng doanh thu của các công trình ghi nhận thiếu doanh thu của năm 2011 với số tiền là 3.038.193.636 đồng và các chỉ tiêu khác có liên quan (như đã trình bày tại Thuyết minh số 25.3 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính) vào báo cáo tài chính năm 2011. Chúng tôi không đánh giá mức độ hợp lý của việc điều chỉnh hồi tố các số liệu này vào báo cáo tài chính năm 2011 cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu có liên quan được trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

Hạn chế do chưa thống nhất trong xử lý kế toán

Tại ngày 31/12/2012, Công ty chưa thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán, số dự phòng ước tính cần phải trích lập là: 1.944.629.089 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1226/KTV

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1395/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY (UHY LTD)

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		96.030.829.987	66.706.038.233
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	10.494.403.246	2.847.105.110
Tiền	111		10.494.403.246	2.847.105.110
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	121		6.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.717.800.299	41.484.602.385
Phải thu khách hàng	131		46.564.917.031	35.325.008.911
Trả trước cho người bán	132		5.434.288.189	6.144.615.989
Phải thu nội bộ	133		955.411.349	1.035.583.761
Các khoản phải thu khác	135	5	945.335.580	156.723.381
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.182.151.850)	(1.177.329.657)
Hàng tồn kho	140		24.296.064.013	21.037.672.011
Hàng tồn kho	141	6	24.296.064.013	21.037.672.011
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.522.562.429	1.336.658.727
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		20.179.718	125.574.303
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	2.502.382.711	1.211.084.424
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.117.824.342	56.804.326.343
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		15.221.565.237	16.593.812.688
Tài sản cố định hữu hình	221	8	14.562.296.154	16.380.692.847
- Nguyên giá	222		32.019.159.627	31.942.632.406
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.456.863.473)	(15.561.939.559)
Tài sản cố định vô hình	227	9	450.564.719	4.415.477
- Nguyên giá	228		935.654.200	402.154.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(485.089.481)	(397.738.723)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	208.704.364	208.704.364
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	39.624.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	39.624.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.896.259.105	586.513.655
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.896.259.105	586.513.655
TỔNG TÀI SẢN	270		113.148.654.329	123.510.364.576

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		71.122.769.918	88.277.136.947
Nợ ngắn hạn	310		71.122.769.918	87.290.129.175
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	11.862.177.853	23.191.789.286
Phải trả người bán	312		14.746.134.231	10.573.146.770
Người mua trả tiền trước	313		22.874.817.037	23.541.177.898
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	6.431.547.258	6.306.813.329
Phải trả người lao động	315		8.380.261.311	12.271.393.816
Phải trả nội bộ	317		1.506.500.000	971.649.800
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	4.901.786.755	10.245.274.295
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		419.545.473	188.883.981
Nợ dài hạn	330		-	987.007.772
Vay và nợ dài hạn	334		-	12.560.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	974.447.772
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		42.025.884.411	35.233.227.629
Vốn chủ sở hữu	410	15	42.160.868.623	34.988.818.239
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.295.890.000	20.295.890.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		897.094.707	897.094.707
Quỹ dự phòng tài chính	418		795.271.353	545.596.120
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20.172.612.563	13.250.237.412
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(134.984.212)	244.409.390
Nguồn kinh phí	432	16	(134.984.212)	244.409.390
TỔNG NGUỒN VỐN	440		113.148.654.329	123.510.364.576

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)			1.132.736.557	1.132.736.557
Ngoại tệ các loại			-	-
- USD			52.886,17	337,35
- EURO			276,55	13,63
- YEN			22.647	22.647

Đỗ Văn Hạng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thị Bạch Diệp
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	91.531.025.804	110.558.762.650
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		91.531.025.804	110.558.762.650
Giá vốn hàng bán	11	18&22	66.681.624.222	65.896.780.266
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.849.401.582	44.661.982.384
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	15.192.561.239	481.239.420
Chi phí tài chính	22	20	1.266.822.571	7.752.848.227
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		908.426.798	3.430.126.762
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	23.101.595.998	26.960.894.557
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.673.544.252	10.429.479.020
Thu nhập khác	31		226.286.779	50.599.000
Chi phí khác	32		-	46.009.989
Lợi nhuận khác	40		226.286.779	4.589.011
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.899.831.031	10.434.068.031
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	3.969.392.708	2.610.718.712
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.930.438.323	7.823.349.319
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	5.878	4.224

Đỗ Văn Hạc
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thị Bạch Diệp
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		88.023.695.489	90.446.518.182
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(54.824.114.097)	(48.155.372.329)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(46.846.916.212)	(39.971.049.791)
Tiền chi trả lãi vay	4		(908.426.798)	(3.278.668.644)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(4.081.890.740)	(530.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		7.997.426.514	9.869.624.350
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(9.248.374.633)	(14.253.189.242)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(19.888.600.477)	(5.872.137.474)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.127.487.932)	(7.139.028.282)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		32.036.364	50.599.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(23.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.000.000.000	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		34.624.000.000	5.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.917.390.805	481.239.420
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		42.445.939.237	(1.607.189.862)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		19.866.085.764	37.783.747.586
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(31.208.257.197)	(32.721.263.253)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.638.905.600)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.981.077.033)	5.062.484.333
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.576.261.727	(2.416.843.003)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	2.847.105.110	5.265.364.705
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		71.036.409	(1.416.592)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	10.494.403.246	2.847.105.110

Đỗ Văn Hật
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Thị Bạch Diệp
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Tư vấn Đầu tư và Xây dựng - đơn vị trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam theo Quyết định số 2834/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 8 năm 2005 và Quyết định 4382/QĐ-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104570, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 28 tháng 09 năm 2011 (chuyển đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103010328 ngày 16 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp).

Công ty có trụ sở chính tại số 26, ngõ 371, phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Công ty có các thông tin về các Chi nhánh như sau:

Tên Chi nhánh

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng
Giao thông Vận tải

Địa chỉ

Lầu 6, số 19 đường Tân Cảnh,
Phường 1, Quận Tân Bình, Thành
phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng
Giao thông Vận tải: Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư và Xây
dựng Cơ khí Công trình

Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba
Đình, Thành phố Hà Nội

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng
Giao thông Vận tải: Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư và Xây
dựng Thông tin tín hiệu

Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba
Đình, Thành phố Hà Nội

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng
Giao thông Vận tải: Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư và Xây
dựng cầu hầm

Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba
Đình, Thành phố Hà Nội

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng
Giao thông Vận tải: Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư và Xây
dựng Khảo sát Công trình

Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba
Đình, Thành phố Hà Nội

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng
giao thông vận tải: Xí nghiệp Tư vấn đầu tư và xây
dựng công trình giao thông

Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba
Đình, Thành phố Hà Nội

Chi nhánh Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng
giao thông vận tải: Xí nghiệp Đầu tư Bất động sản

Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba
Đình, Thành phố Hà Nội

Tại ngày 31/12/2012 số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty là 390 người (năm 2011 là 397 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông gồm:

- Lập quy hoạch, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình, mua sắm thiết bị, phương tiện vận tải;
- Khảo sát, thiết kế và lập tổng dự toán các công trình đường sắt và đường bộ (bao gồm: cầu, hầm, cống, đường, ga, trạm, hệ thống thông tin tín hiệu, xây dựng công nghiệp và dân dụng);
- Thiết kế, đóng mới, phục hồi, hoán cải đầu máy, toa xe, phương tiện thiết bị cơ khí chuyên dụng cho ngành đường sắt;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)**

- Thẩm tra các báo cáo đầu tư và dự án đầu tư, thiết kế và dự toán công trình;
- Tư vấn kiểm định, tư vấn giám sát chất lượng thi công xây dựng các công trình giao thông; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông; Tư vấn soạn thảo các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải;
- Thi công xây dựng công trình thực nghiệm và các công trình ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật mới;

Và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1. CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam.

Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới trong các báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày trong Thuyết minh số 24.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính cũng như các khái niệm liên quan như được trình bày theo Thuyết minh số 24 trên các báo cáo tài chính chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Loại tài sản	Thời gian (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	08

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là phần mềm thiết kế.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
- Phần mềm thiết kế	05

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Khoản đầu tư là đầu tư vào Công ty con mà Công ty có quyền kiểm soát trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Giá trị các khoản đầu tư của Công ty vào Công ty con được ghi nhận và phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo phương pháp giá gốc. Đến ngày 31/12/2012, Công ty đã thoái vốn tại công ty con.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu hoạt động quy hoạch, khảo sát, thiết kế:

Doanh thu hoạt động quy hoạch, khảo sát, thiết kế, lập luận chứng kinh tế kỹ thuật, tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp, có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác:

Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng, cho thuê ô tô được ghi nhận theo nội dung các điều khoản của hợp đồng thuê, thời gian cho thuê trong năm tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.9 GHI NHẬN DOANH THU VÀ GIÁ VỐN (TIẾP)**Giá vốn:

Chi phí giá vốn của Công ty được xác định bằng chi phí dở dang đầu kỳ cộng (+) chi phí phát sinh thực tế trong kỳ trừ (-) đi giá trị chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối năm tài chính được Công ty xác định là các chi phí trực tiếp (không bao gồm chi phí tiền lương và các khoản chi phí phân bổ) của các công trình/hạng mục công trình đang thực hiện, chưa hoàn thành và chắc chắn sẽ được nghiệm thu và thanh toán trong tương lai.

Chi phí tiền lương được xác định trên cơ sở doanh thu thực tế ghi nhận trong kỳ. Chi phí tiền lương năm 2012 của Công ty được tính trên cơ sở đơn giá tiền lương theo doanh thu ban hành theo Quyết định số 313/QĐ-QLKD ngày 31/3/2012 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

3.10 NGOẠI TỆ

Năm 2012, Công ty áp dụng Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo quy định tại Thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ, phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Lợi nhuận phát sinh do đánh giá lại tỷ giá của các khoản công nợ, tiền mặt có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối.

3.11 THUẾThuế giá trị gia tăng (VAT):

Dịch vụ khảo sát, thiết kế, lập quy hoạch chịu thuế suất 10%

Sản phẩm chế thử, sản phẩm nghiên cứu, đề tài khoa học công nghệ chịu thuế suất 5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH*****Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	126.085.000	454.825.100
Tiền gửi ngân hàng	10.368.318.246	2.392.280.010
	10.494.403.246	2.847.105.110

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trả trước cho người lao động	503.715.937	42.500.000
Phải thu người lao động tiền thuế TNCN	220.808.612	90.552.951
Dự thu lãi tiền gửi tại Ngân hàng	203.000.000	-
Phải thu khác (*)	17.811.031	23.670.430
	945.335.580	156.723.381

(*) Là khoản bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phải thu của người lao động.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.225.300	17.981.800
Công cụ, dụng cụ	13.280.314	15.677.526
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	24.270.558.399	21.004.012.685
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	24.296.064.013	21.037.672.011

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	1.882.046.615	1.211.084.424
Ký quỹ bảo lãnh hợp đồng	620.336.096	-
	2.502.382.711	1.211.084.424

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2012	14.122.945.189	10.861.959.614	6.957.727.603	31.942.632.406
- Mua trong năm	-	593.987.932	-	593.987.932
- Thanh lý, nhượng bán	-	(517.460.711)	-	(517.460.711)
31/12/2012	14.122.945.189	10.938.486.835	6.957.727.603	32.019.159.627
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2012	(5.700.214.638)	(6.628.383.363)	(3.233.341.558)	(15.561.939.559)
- Khấu hao trong năm	(420.087.899)	(1.326.091.080)	(666.205.646)	(2.412.384.625)
- Thanh lý, nhượng bán	-	517.460.711	-	517.460.711
31/12/2012	(6.120.302.537)	(7.437.013.732)	(3.899.547.204)	(17.456.863.473)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2012	8.422.730.551	4.233.576.251	3.724.386.045	16.380.692.847
31/12/2012	8.002.642.652	3.501.473.103	3.058.180.399	14.562.296.154
Trong đó				
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	3.532.282.020	4.028.634.149	1.966.108.947	9.527.025.116
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:	-	293.259.273	-	293.259.273

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là các Phần mềm thiết kế. Tại ngày 31/12/2012 nguyên giá là 935.654.200 đồng, giá trị còn lại là: 450.564.719 đồng và giá trị hao mòn lũy kế là 485.089.481 đồng.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Toà nhà TRICC	208.704.364	208.704.364
	208.704.364	208.704.364

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí CCDC và vật tư xuất dùng	1.266.585.772	562.607.776
Chi phí sửa chữa văn phòng đi thuê	629.673.333	-
Chi phí sửa chữa xe ô tô	-	23.905.879
	1.896.259.105	586.513.655

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	11.862.177.853	23.011.789.286
Trong đó:		
- Vay NHTMCP Công Thương Đông Đa	10.692.177.853	8.070.789.286
- Vay cá nhân (*)	1.170.000.000	11.941.000.000
- Vay tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	3.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	180.000.000
	11.862.177.853	23.191.789.286

(*) Khoản vay cá nhân lãi suất thay đổi theo các thông báo lãi suất trong năm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải. Lãi suất vay cá nhân bằng lãi suất vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT	4.152.934.951	4.143.758.086
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.050.557.211	2.163.055.243
Thuế thu nhập cá nhân	228.055.096	-
	6.431.547.258	6.306.813.329

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	60.763.613	1.351.485
Kinh phí công đoàn	-	497.539.391
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.841.023.142	9.746.383.419
+ Đặt cọc mua cổ phần Công ty con	-	5.000.000.000
+ Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	536.812.500	-
+ Phải trả nhà thầu trong nước	4.122.884.644	4.153.134.644
+ Phải trả khác	181.325.998	593.248.775
	4.901.786.755	10.245.274.295

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu <u>VND</u>	Chênh lệch tỷ giá hối đoái <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
01/01/2011	17.200.000.000	(3.828.256.733)	3.992.984.707	545.596.120	5.426.888.093	23.337.212.187
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	7.823.349.319	7.823.349.319
- Tăng Khác	-	3.829.673.325	-	-	-	3.829.673.325
- Chi trả cổ tức	3.095.890.000	-	-	-	-	3.095.890.000
- Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(1.416.592)	(3.095.890.000)	-	-	(3.097.306.592)
31/12/2011	20.295.890.000	-	897.094.707	545.596.120	13.250.237.412	34.988.818.239
01/01/2012	20.295.890.000	-	897.094.707	545.596.120	13.250.237.412	34.988.818.239
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	11.930.438.323	11.930.438.323
- Phân chia lợi nhuận						
<i>Chi trả cổ tức</i>	-	-	-	-	(3.653.260.200)	(3.653.260.200)
<i>Trích lập quỹ năm 2012</i>	-	-	-	249.675.233	(249.675.233)	-
<i>Trích lập quỹ khen thưởng</i>	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(105.127.739)	(105.127.739)
31/12/2012	20.295.890.000	-	897.094.707	795.271.353	20.172.612.563	42.160.868.623

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****15.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	9.945.040.000	9.945.040.000
Vốn góp của các cổ đông khác	10.350.850.000	10.350.850.000
	20.295.890.000	20.295.890.000

15.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	20.295.890.000	17.200.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	3.095.890.000
+ Vốn góp cuối năm	20.295.890.000	20.295.890.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.638.905.600	-

15.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2012	01/01/2012
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	2.029.589	2.029.589
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.029.589	2.029.589
+ Cổ phiếu thường	2.029.589	2.029.589
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.029.589	2.029.589
+ Cổ phiếu thường	2.029.589	2.029.589
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

15.5 CÁC QUỸ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	897.094.707	897.094.707
Quỹ dự phòng tài chính	795.271.353	545.596.120
	1.692.366.060	1.442.690.827

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***16. NGUỒN KINH PHÍ**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	1.015.000.000	1.754.840.000
Chi sự nghiệp	1.149.984.212	1.510.430.610
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	(134.984.212)	244.409.390

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	91.531.025.804	110.558.762.650
	91.531.025.804	110.558.762.650

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	66.681.624.222	65.896.780.266
	66.681.624.222	65.896.780.266

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	882.583.110	122.441.181
Lãi bán ngoại tệ	74.805.720	358.798.239
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	71.036.409	-
Lãi chuyển nhượng cổ phần Công ty con	13.961.136.000	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	203.000.000	-
	15.192.561.239	481.239.420

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	908.426.798	3.430.126.762
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40.213.955	4.322.721.465
Chi phí tư vấn và thẩm định giá để chuyển nhượng Công ty con	318.181.818	-
	1.266.822.571	7.752.848.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.899.831.031	10.434.068.031
Các khoản chi phí không được khấu trừ		
- Khấu hao TSCĐ không được khấu trừ	48.776.210	8.806.816
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế		
-Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	71.036.409	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	15.877.570.832	10.442.874.847
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN phải trả ước tính	3.969.392.708	2.610.718.712
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.969.392.708	2.610.718.712

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.458.323.317	4.953.111.377
Chi phí nhân công	43.954.427.372	56.417.705.332
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.499.735.383	2.216.578.912
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.028.721.256	8.842.773.954
Chi phí khác bằng tiền	25.108.558.606	20.532.412.270
	93.049.765.934	92.962.581.845

Trong đó:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	24.270.558.399	21.004.012.685
	24.270.558.399	21.004.012.685

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***23 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU****23.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.930.438.323	7.823.349.319
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	2.029.589	1.852.317
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.878	4.224

23.2 LỢI NHUẬN THUẦN THUỘC VỀ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	11.930.438.323	7.823.349.319
	11.930.438.323	7.823.349.319

23.3 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN GIA QUYỀN ĐANG LƯU HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	2.029.589	1.720.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	-	309.589
Phát hành ngày 29/07/2011	-	309.589
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	2.029.589	1.852.317

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ phải trả (bao gồm các khoản vay, nợ như đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.12 – Công cụ tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.494.403.246	2.847.105.110
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.328.100.761	34.304.402.635
Đầu tư dài hạn khác	-	39.624.000.000
Tổng	56.822.504.007	76.775.507.745
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	11.862.177.853	23.204.349.286
Phải trả người bán	14.746.134.231	10.573.146.770
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.901.786.755	10.245.274.295
Tổng	31.510.098.839	44.022.770.351
Trạng thái ròng	25.312.405.168	32.752.737.394

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC (Thông tư 210) ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về Trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên giá trị tài sản bằng ngoại tệ của Công ty rất nhỏ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)*****Quản lý rủi ro tỷ giá (tiếp)***

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
Tiền gửi bằng ngoại tệ		
- USD	52.886,17	337,35
- EURO	276,55	13,63
- YEN	22.647	22.647

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng phương pháp phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình. Ngoài ra, rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp. Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2012 là: 10.368.318.246 đồng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa thực hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc Công ty trên cơ sở phân tích các thông tin sẵn có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****RỦI RO TÍN DỤNG (TIẾP)***Các khoản đầu tư*

Công ty giới hạn mức độ rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư, cho vay với các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có mức độ tín nhiệm cao. Ban Điều hành chủ động giám sát rủi ro tín dụng và không kỳ vọng các đối tác sẽ không thực hiện được các nghĩa vụ của họ.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi của Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Giá trị ghi sổ		
Tổng gộp	1.182.151.850	1.177.329.657
Trừ: Dự phòng giảm giá trị	<u>(1.182.151.850)</u>	<u>(1.177.329.657)</u>
	<u>-</u>	<u>-</u>
Dự phòng giảm giá trị		
Số dư đầu kỳ	(1.177.329.657)	(816.731.628)
Dự phòng Tăng	(4.822.193)	(360.598.029)
Số dư cuối kỳ	<u>(1.182.151.850)</u>	<u>(1.177.329.657)</u>

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả bao gồm gốc và tiền lãi (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Vay và nợ ngắn hạn	11.862.177.853	-	11.862.177.853
Phải trả người bán	14.746.134.231	-	14.746.134.231
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.901.786.755	-	4.901.786.755
	31.510.098.839	-	-
31/12/2011			
Vay và nợ ngắn hạn	23.191.789.286	12.560.000	23.204.349.286
Phải trả người bán	10.573.146.770	-	10.573.146.770
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	10.245.274.295	-	10.245.274.295
	44.010.210.351	-	44.022.770.351

Mặc dù đang gặp khó khăn do nợ ngắn hạn lớn trong khi tài sản ngắn hạn có rủi ro tín dụng, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn hoặc làm việc với đối tác để được gia hạn nợ.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Số liệu được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gốc và lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.494.403.246	-	10.494.403.246
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.328.100.761	-	46.328.100.761
Đầu tư dài hạn	-	-	-
	56.822.504.007	-	56.822.504.007
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.847.105.110	-	2.847.105.110
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.304.402.635	-	34.304.402.635
Đầu tư dài hạn	-	39.624.000.000	39.624.000.000
	37.151.507.745	39.624.000.000	76.775.507.745

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***25. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****25.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải là Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam, các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty.

Trong năm, các nghiệp vụ và số dư của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải với các bên liên quan cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu với các bên liên quan		8.154.520.572	5.369.526.699
- Tổng Công ty Đường Sắt Việt nam	Quyền biểu quyết 49%	8.154.520.572	5.369.526.699
<i>Cung cấp dịch vụ tư vấn</i>		8.154.520.572	5.166.526.699
<i>Cung cấp đề tài NCKH</i>		-	203.000.000
- Ban QLDA ĐSKV1	Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	6.142.112.195	1.566.962.095
- Ban QLDADSKV2	nt	927.657.969	11.191.548.609
- Ban QLDADSKV3	nt	7.804.550.000	1.779.808.182
- Các CT thuộc vốn hạ tầng	nt	2.188.738.049	1.950.556.188
- Ban QLDA các công trình Đường sắt (RPMU)	nt	9.104.363.225	4.186.112.048
Mua hàng từ các bên liên quan		120.000.000	-
- Nhà máy Xe lửa Gia Lâm	nt	120.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***25. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****25.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Số dư với các bên liên quan:**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Các khoản phải thu	8.939.260.551	7.128.683.277
Ban QLDADSKV2	-	3.147.186.000
Các CT thuộc vốn hạ tầng	928.735.661	2.471.035.807
Ban QLDA các công trình Đường sắt	8.010.524.890	1.510.461.470
Người mua trả tiền trước	6.722.034.664	1.857.533.465
Tổng Công ty Đường Sắt Việt nam	6.722.034.664	1.857.533.465
Ban QLDA ĐSKV1	4.433.814.115	1.621.318.033
Ban QLDADSKV2	1.876.675.000	-
Ban QLDADSKV3	5.063.426.000	5.590.642.000
Trả trước cho người bán	-	10.000.000
Tổng Công ty ĐS Việt nam	-	10.000.000
Các khoản phải trả	514.720.000	514.720.000
Nhà máy Xe lửa Gia Lâm	514.720.000	514.720.000
Các khoản vay	-	3.000.000.000
Tổng Công ty Đường Sắt Việt nam	-	3.000.000.000

25.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán.

25.3 THÔNG TIN VỀ ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải được điều chỉnh hồi tố do ảnh hưởng của các nội dung điều chỉnh của Cục thuế Thành phố Hà Nội theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 10/12/2012. Theo đó, các số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 của Công ty đã thay đổi như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***25. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****25.3 THÔNG TIN VỀ ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (TIẾP)**

Khoản mục trên Báo cáo tài chính	Số liệu theo BCTC năm 2011 đã kiểm toán VND	Số liệu BCTC năm 2011 trình bày lại VND	Chênh lệch VND
I. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh			
Chỉ tiêu			
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	107.520.569.014	110.558.762.650	3.038.193.636
- Giá vốn hàng bán	63.374.437.827	65.896.780.266	2.522.342.439
- Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	9.918.216.834	10.434.068.031	515.851.197
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.481.755.913	2.610.718.712	128.962.799
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.436.460.921	7.823.349.319	386.888.398
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.015	4.548	534
II. Bảng cân đối kế toán			
Chỉ tiêu			
1. Tài sản			
- Hàng tồn kho			
Hàng tồn kho	23.560.014.450	21.037.672.011	(2.522.342.439)
2. Nguồn vốn			
- Nợ phải trả			
Người mua trả tiền trước	26.883.190.898	23.541.177.898	(3.342.013.000)
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	5.874.031.166	6.306.813.329	432.782.163
- Vốn chủ sở hữu			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.863.349.014	13.250.237.412	386.888.398

Đỗ Văn Hạng**Tổng Giám đốc***Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013*

Nguyễn Thị Bạch Diệp**Kế toán trưởng**